

UBND XÃ PHONG QUANG
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36 /CV-KT

Phong Quang, ngày 26 tháng 01 năm 2026

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo kế hoạch
thực hiện Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm
vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo
quốc phòng - an ninh năm 2026 trên địa
bàn xã Phong Quang

Kính gửi:

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị xã hội xã;
- Lãnh đạo UBND xã Phong Quang;
- Các phòng, ban, đơn vị chuyên môn;
- Công an xã Phong Quang;
- Trưởng thôn, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn xã Phong Quang.

Thực hiện nhiệm vụ UBND xã Phong Quang giao, đến nay Phòng Kinh tế xã đã hoàn thành dự thảo Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026 trên địa bàn xã Phong Quang.

Để Kế hoạch sau khi ban hành bảo đảm chất lượng, tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; đồng thời bảo đảm việc thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định có liên quan. Phòng Kinh tế xã đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các thôn nghiên cứu, tham gia góp ý bằng văn bản hoặc ý kiến trực tiếp đối với dự thảo Kế hoạch.

Đồng thời, Phòng Kinh tế đề nghị Phòng Văn hóa- Xã hội xã đăng tải toàn văn dự thảo Kế hoạch trên Cổng thông tin điện tử của xã Phong Quang để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân biết, nghiên cứu và tham gia góp ý. Các ý kiến góp ý của Nhân dân sẽ được tổng hợp, tiếp thu, giải trình theo quy định trước khi trình UBND xã xem xét, ban hành.

Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị và các ý kiến tổng hợp từ Nhân dân đề nghị gửi về Phòng Kinh tế xã trước ngày 05/02/2026 để tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. Sau thời gian nêu trên, nếu Phòng Kinh tế xã không nhận được văn bản góp ý thì được hiểu là đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Kế hoạch.

(có dự thảo Kế hoạch Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026 trên địa bàn xã Phong Quang kèm theo)

Với nội dung trên, Phòng rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp thực hiện của các cơ quan, đơn vị, các thôn và sự tham gia đóng góp ý kiến của Nhân dân để Kế hoạch được hoàn thiện, bảo đảm chất lượng và hiệu quả khi tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT, Hiền.

TRƯỞNG PHÒNG



Bai Văn Khiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHONG QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND
(DỰ THẢO)

Phong Quang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026 trên địa bàn xã Phong Quang**

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Phong Quang về nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh xã Phong Quang năm 2026 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/02/2026 của HĐND xã Phong Quang về điều chỉnh bổ sung một số chỉ tiêu Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh xã Phong Quang năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế, xã hội năm 2026 đã đề ra, Ủy ban nhân dân xã Phong Quang ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2026 với những nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp định hướng của UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân xã đã đề ra về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026.

- Kế hoạch là khung nhiệm vụ trọng tâm của các phòng, ban, ngành xã trong tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026; là cơ sở tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá thường xuyên tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan.

2. Yêu cầu

- Các nhiệm vụ, giải pháp trong kế hoạch phải bám sát những chỉ đạo, định hướng của UBND tỉnh, Đảng ủy xã về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

- Triển khai đầy đủ, toàn diện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xã và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã đã thông qua.

- Các nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai đồng bộ, hiệu quả, phát huy ưu điểm những mặt tích cực, đồng thời phải khắc phục được những hạn chế trong thực tiễn đã triển khai của năm 2025 và những năm trước. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các phòng, ban, ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2026. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về Kinh tế:

(1) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 11,5 tỷ đồng, trong đó thu tiền sử dụng đất là 5,1 tỷ đồng; thu ngân sách địa phương không bao gồm tiền thu sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết là 6,4 tỷ đồng.

(2) Tốc độ tăng thu ngân sách Nhà nước (không bao gồm tiền sử dụng đất) phấn đấu đạt 3,4%.

(3) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm năm 2026 là 11%

(4) Tỷ lệ thôn bản có đường giao thông được cứng hóa đi lại thuận tiện 95%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới đảm bảo theo quy chuẩn 98%; Tỷ lệ thôn bản có sóng điện thoại di động 95%;

(5) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 2.000 tấn.

(6) Trồng rừng tập trung: 80 ha.

(7) Thu nhập bình quân đầu người/năm năm 2026 đạt 51 triệu đồng/năm.

(8) Phấn đấu đạt thêm mới 01 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

(9) Sản lượng chè búp tươi đạt 45 tấn.

(10) Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng đạt 190 tấn.

2.2. Về Văn hóa - xã hội

(11) Xã đạt chuẩn xã nông thôn mới theo khung bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030 là 3 tiêu chí.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 73%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp trên 38%; Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn dưới 2,3%;

(13) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%; Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm 300 người; Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 52%; Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước 4 bệnh Down, Edward, Patau, Thalassemia) đạt 40%; Tỷ lệ trẻ em sơ sinh được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, tim bẩm sinh) 55%; Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm 82%.

(14) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) dưới 11,3%;

(15) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 98%;

(16) Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Giữ vững

phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2; Đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi 85%.

(17) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia: Duy trì 3/4 trường đạt chuẩn Quốc gia.

(18) Phần đầu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 đạt 11,5%; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới giai đoạn 2026-2030 2,03% điểm.

(19) Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa trên 90%; Tỷ lệ thôn đạt chuẩn thôn văn hóa trên 90%; Thành lập và duy trì ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao.

(20) Tỷ lệ cơ quan đạt chuẩn văn hóa: 100%

(21) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học: 97,3%;

(22) Xã có trạm truyền thanh tốt: Tốt;

(23) Tổng số hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) 100%; Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng 100%.

(24) Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên địa bàn 1Gb/S 95%; Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G đạt 60%

2.3. Về Môi trường

(25) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức trên 75%.

(26) Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 50%

(27) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt 78%; Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải tại nông thôn 81%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý 100%.

(28) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh 10%;

2.4. Về quốc phòng - an ninh

(29) Tuyển quân hằng năm 100%; Thực hiện giáo dục bồi dưỡng, kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định 23%.

(30) Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm 90%;

(31) Số thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự 15%;

(32) Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số 4,85%.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Hoạt động thu chi ngân sách; thương mại - dịch vụ - du lịch

Chủ động rà soát, khai thác đầy đủ các nguồn thu trên địa bàn; chống thất thu, nợ đọng thuế; Tăng cường quản lý thu từ đất đai, tài nguyên, phí và lệ phí theo đúng quy định. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính. Điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, đúng dự toán; ưu tiên chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh. Chủ động theo dõi, đánh giá tình hình, kịp thời điều chỉnh các giải pháp điều hành nhằm bảo đảm hoàn thành dự toán thu - chi ngân sách năm 2026.

Trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ: Tiếp tục phát triển thị trường theo hướng ổn định, văn minh; hỗ trợ mở rộng các hộ kinh doanh, quản lý giá cả và chất lượng hàng hóa, bảo đảm cung ứng đầy đủ cho người dân. Khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới, tăng cường xúc tiến thương mại và kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP, nông sản địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong bán hàng và thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường công tác kiểm tra thị trường, phòng chống gian lận thương mại, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Về phát triển du lịch: Định hướng khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch sinh thái - trải nghiệm tại Hồ Nậm Cắt, các thác nước và không gian văn hóa dân tộc Tày, Dao. Tập trung xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, phát triển dịch vụ lưu trú, ẩm thực, trải nghiệm cộng đồng gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa. Đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh địa phương thông qua nền tảng số, mã QR và kết nối với các đơn vị lữ hành.

1.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và mở rộng quy mô các cơ sở hiện có. Tuyên truyền đẩy mạnh hỗ trợ đổi mới công nghệ, cải tiến dây chuyền chế biến lâm sản, thủ công mỹ nghệ và các ngành nghề truyền thống, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, thủ tục để thu hút doanh nghiệp đầu tư. Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản và môi trường trong hoạt động sản xuất được tăng cường nhằm bảo đảm phát triển bền vững. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích các hộ, tổ hợp tác và hợp tác xã mở rộng sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm ổn định. Hạ tầng giao thông, điện và khu sản xuất nhỏ lẻ được rà soát, nâng cấp để tạo thuận lợi cho hoạt động công nghiệp - TTCN trên địa bàn.

1.3. Phát triển nông, lâm nghiệp, phát triển hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng, mở rộng các vùng sản xuất tập trung và chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng. Khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật, giống mới và mô hình canh tác an toàn, hữu cơ; tăng cường liên kết tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp, hợp tác xã. Công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi được thực hiện thường xuyên, chủ động. Đồng thời, hỗ trợ người dân tiếp cận vốn vay ưu đãi để mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng bền vững.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích rừng trồng, ưu tiên các loại cây có giá trị kinh tế cao, gắn với quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng theo hướng bền vững. Đẩy mạnh giao khoán bảo vệ rừng, tăng cường tuần tra, xử lý tình trạng khai thác rừng trái phép và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn dịch vụ môi trường rừng. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được triển khai theo phương châm “4 tại chỗ”, bảo

đảm an toàn mùa khô. Bên cạnh đó, xã khuyến khích phát triển chế biến lâm sản, tạo thêm việc làm và tăng giá trị lâm nghiệp địa phương.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã hiện có, khuyến khích thành lập HTX mới trong các lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ, chế biến lâm sản và du lịch cộng đồng. Hỗ trợ HTX tiếp cận vốn vay, chuyển đổi số, áp dụng quy trình sản xuất an toàn và mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường đào tạo kỹ năng quản trị, kết nối HTX với doanh nghiệp nhằm hình thành chuỗi giá trị bền vững. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì, mã QR cho sản phẩm chủ lực và thúc đẩy tham gia chương trình OCOP.

Tiếp tục duy trì, nâng cao và hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới, đặc biệt là tiêu chí môi trường, giao thông, thu nhập và hạ tầng thiết yếu. Huy động đa dạng nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để đầu tư vào công trình trọng điểm như đường giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa và trường học. Công tác chỉnh trang nông thôn, phát động ngày Chủ nhật xanh và thu gom rác thải được duy trì thường xuyên. Chú trọng phát triển sản xuất gắn với nâng cao thu nhập, khuyến khích người dân tham gia phong trào xây dựng tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp.

Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo, tập trung hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và tạo việc làm cho hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, cấp giống cây trồng - vật nuôi phù hợp cho từng nhóm hộ; hướng dẫn quản lý vốn vay và kỹ thuật sản xuất để tăng thu nhập. Các chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm y tế, giáo dục và nhà ở được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, khơi dậy ý chí tự lực vươn lên, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong nhân dân.

1.4. Quản lý tài nguyên và môi trường; bồi thường, hỗ trợ tái định cư; xây dựng cơ bản

Tăng cường quản lý đất đai, khoáng sản và tài nguyên rừng, thực hiện nghiêm việc kiểm tra, xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng sai mục đích. Công tác thu gom, phân loại và xử lý rác thải được đẩy mạnh; triển khai đồng bộ các mô hình bảo vệ môi trường, tuyến đường xanh - sạch - đẹp. Chú trọng tuyên truyền nâng cao ý thức người dân trong bảo vệ nguồn nước, hạn chế rác thải nhựa và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, bảo đảm phát triển bền vững.

Tập trung rà soát, cập nhật đầy đủ hồ sơ đất đai, bảo đảm công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện đúng quy định, công khai và minh bạch. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm, giải quyết kịp thời vướng mắc trong xác định nguồn gốc đất và hỗ trợ sinh kế cho hộ bị ảnh hưởng. Việc chi trả bồi thường được tổ chức đúng thời gian, đúng đối tượng, tránh phát sinh khiếu nại. Tăng cường đối thoại với nhân dân, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai dự án.

Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, trường học, nhà văn hóa và các hạng mục phục vụ nông thôn mới. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn

bị đầu tư, hoàn thiện hồ sơ, lựa chọn nhà thầu đảm bảo năng lực và chất lượng. Công tác giám sát thi công được tăng cường, bảo đảm công trình đúng thiết kế, đúng tiến độ và an toàn. Thực hiện công khai, minh bạch các nguồn vốn đầu tư, đồng thời chủ động lồng ghép các chương trình, dự án để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Việc bảo trì, duy tu công trình sau đầu tư được chú trọng nhằm nâng cao tuổi thọ và hiệu quả khai thác.

Chủ động phối hợp với Sở chuyên môn và các đơn vị viễn thông đầu tư hạ tầng mạng băng rộng cố định và mở rộng vùng phủ sóng 5G trên địa bàn. Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ Internet tốc độ cao phục vụ chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát tiến độ triển khai, kịp thời tháo gỡ khó khăn nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu về truy nhập băng rộng 1Gb/s và phủ sóng 5G.

2. Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Duy trì công tác xã hội hoá giáo dục; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh. Chú trọng công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho các nhà trường; huy động các nguồn lực xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia. Chỉ đạo các nhà trường chủ động thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch bệnh theo mùa.

2.2. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công tác dân số và phát triển

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Nhân dân, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh. Chủ động phòng chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn. Đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng các cơ sở hành nghề y, dược trên địa bàn. Duy trì kết quả xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, đồng thời thực hiện tốt việc hỗ trợ các đối tượng chính sách, người nghèo tham gia BHYT. Triển khai thực hiện tốt các dự án chương trình mục tiêu về y tế, dân số.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn kế hoạch hóa gia đình, khuyến khích người dân sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại và nâng cao tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn. Tăng cường phối hợp với cơ sở y tế tổ chức tầm soát, sàng lọc cho phụ nữ mang thai đối với các bệnh bẩm sinh và di truyền theo quy định. Thực hiện tốt việc sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh nhằm phát hiện sớm và can thiệp kịp thời cho trẻ em. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bảo đảm tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm theo chỉ tiêu giao năm 2026.

2.3. Công tác Lao động - TB&XH

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách bảo đảm an sinh xã hội cho

các đối tượng theo quy định. Quan tâm công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Thực hiện có hiệu quả chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn trong năm 2026. Làm tốt công tác nhân đạo, cứu trợ, từ thiện. Đảm bảo triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em; tiếp tục thực hiện các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

2.4. Công tác văn hoá, thể thao, thông tin, truyền thông

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về văn hoá và thông tin. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; tuyên truyền và thực hiện tốt công tác phục vụ các ngày lễ lớn, các sự kiện lớn trong. Đảm bảo an toàn an ninh mạng, an ninh thông tin. Vận động Nhân dân tích cực tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với việc thực hiện tốt các tiêu chí nông thôn mới. Quan tâm bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hoá tại cơ sở. Quan tâm, chú trọng xây dựng các điểm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng gắn với giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn di tích, di sản.

2.5. Công tác nội vụ, dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục thực hiện tốt việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tổ chức, biên chế đảm bảo bộ máy hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đảm bảo kịp thời, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Chủ động đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trình thi tuyển công chức đảm bảo tiêu chí phù hợp với vị trí việc làm. Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thanh niên, các hội và tổ chức phi Chính phủ, văn thư - lưu trữ, chính quyền địa phương. Thực hiện tốt các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc.

3. Công tác cải cách hành chính

Thực hiện tốt công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, công tác cán bộ theo quy định. Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan, đơn vị. Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính theo quy định; quan tâm xây dựng chính quyền điện tử thành phố, chính quyền số; thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông giữa thành phố và các xã, phường. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

4. Về công tác quốc phòng - an ninh; tư pháp - thanh tra - tiếp công dân

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Tăng cường bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng

- an ninh, phát triển lực lượng tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2026 đạt 100% chỉ tiêu giao.

Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý, tuyển chọn công dân đủ điều kiện tham gia lực lượng dân quân tự vệ đúng quy định. Quan tâm công tác huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quân sự cho lực lượng dân quân tự vệ. Thường xuyên rà soát, củng cố tổ chức lực lượng, bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh địa phương.

Lực lượng Công an chủ động phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội diễn ra trên địa bàn, đặc biệt là các hoạt động trước, trong và sau Đại hội Đảng các cấp. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người; tập trung đấu tranh với các loại tội phạm.

Tăng cường thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp công dân, tiếp nhận và phân loại xử lý đơn thư theo thẩm quyền. Quan tâm chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện đơn đốc, kiểm tra và xử lý sau thanh tra. Đổi mới phương pháp, cách thức phổ biến giáo dục pháp luật. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; công tác theo dõi thi hành pháp luật.

(Nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng, ban, ngành xã triển khai xây dựng chương trình/kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị, địa phương gắn với thực hiện kế hoạch của UBND xã, trong đó yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu có chất lượng, đúng tiến độ thời **05/03/2026**, báo cáo UBND xã, đồng thời gửi phòng Kinh tế, VP HĐND & UBND xã tổng hợp, theo dõi.

2. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành xã chỉ đạo, tăng cường kiểm tra đơn đốc việc thực hiện kế hoạch, đặc biệt là những nhiệm vụ quy định rõ thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành; nêu cao trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm công vụ trong giải quyết công việc. Quan tâm chỉ đạo công tác cập nhật tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại các Thông báo kết luận của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã; triển khai thực hiện đầy đủ các ý kiến thẩm tra, giám sát của HĐND xã trong năm 2025. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo hằng tháng, báo cáo quý I, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng và báo cáo năm gửi về VP HĐND & UBND tổng hợp.

3. Giao Văn phòng HĐND & UBND đơn đốc các phòng, ban, ngành báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch này; định kỳ hằng tháng, quý trên cơ sở báo cáo của

các đơn vị, địa phương; thực hiện tổng hợp báo cáo UBND xã (chú ý báo cáo các nhiệm vụ, nội dung đã đến thời hạn hoàn thành); xây dựng báo cáo của UBND xã báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính và Đảng ủy theo yêu cầu.

Trong quá trình tổ chức, thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của kế hoạch, các phòng, ban, ngành chủ động phối hợp với Kinh tế, Văn phòng HĐND & UBND báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định.

Trên đây là kế hoạch của UBND xã Phong Quang thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2026 trên địa bàn xã Phong Quang./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- TT. Đảng ủy (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ánh Xuân

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 08/02/2026 của UBND xã Phong Quang)

TT	Chỉ tiêu	Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu	Đơn vị chủ trì thực hiện
I	KINH TẾ		
1.	Tốc độ tăng thu ngân sách Nhà nước (không bao gồm tiền sử dụng đất) phân đầu 3,4%	- Tham mưu ban hành kế hoạch thu ngân sách năm 2026 chi tiết từng quý, từng nguồn thu. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thu. - Rà soát quỹ đất trên địa bàn xã đủ điều kiện đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026. - Rà soát đầy đủ các hộ kinh doanh cá thể, cơ sở sản xuất trên địa bàn để đưa vào diện quản lý thu - Vận động các hộ kinh doanh đăng ký mã số thuế và thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và các hộ kinh doanh chấp hành nghiêm pháp luật về thuế thông qua hệ thống truyền thanh và các cuộc họp thôn; kịp thời biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, góp phần nâng cao ý thức tự giác trong thực hiện nghĩa vụ tài chính trên địa bàn xã.	Phòng Kinh tế và Thuế cơ sở 6
2.	Thu ngân sách trên địa bàn 11,5 tỷ đồng, trong đó:		
	- Thu tiền sử dụng đất: 5,1 tỷ đồng		
	- Thu ngân sách địa phương không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết 6,4 tỷ đồng		
3.	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn > 11%	- Xây dựng kế hoạch phát triển nông lâm nghiệp; - Chỉ đạo các thôn sản xuất đúng cơ cấu cây trồng, vật nuôi	Phòng Kinh tế

		theo kế hoạch đã giao. - Mở rộng diện tích cây trồng có giá trị kinh tế cao (quýt, mơ, hồng không hạt, dứa, chè). - Tổ chức tập huấn kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh cho người dân. - Khuyến khích chuyển đổi diện tích đất trồng kém hiệu quả sang trồng cây hàng hóa. - Hỗ trợ giống mới, phân bón, kỹ thuật thông qua các chương trình, dự án. - Khuyến khích người dân phát triển kinh doanh dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, buôn bán nông sản.	
4.	Tỷ lệ thôn bản có đường giao thông được cứng hóa đi lại thuận tiện 95%	- Tổ chức rà soát, thống kê cụ thể các tuyến đường thôn, liên thôn chưa được cứng hóa hoặc đã xuống cấp. - Xây dựng danh mục các tuyến đường cần đầu tư trong năm 2026 theo thứ tự ưu tiên. - Lập kế hoạch đầu tư chi tiết từng tuyến (chiều dài, khối lượng, nguồn vốn, thời gian thực hiện). - Lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn đầu tư công và các chương trình hỗ trợ khác. - Vận động Nhân dân hiến đất, đóng góp ngày công lao động, vật liệu xây dựng theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm. - Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia hỗ trợ xây dựng giao thông nông thôn. - Biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân tích cực đóng góp. - Phân công trách nhiệm cho các thôn quản lý, bảo vệ các	Phòng Kinh tế

		tuyến đường sau đầu tư.	
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới đảm bảo theo quy chuẩn 98%	- Tổ chức rà soát, thống kê cụ thể số hộ chưa được sử dụng điện lưới hoặc sử dụng điện không đảm bảo an toàn, chất lượng. - Xây dựng danh mục các tuyến đường dây, trạm biến áp cần nâng cấp, sửa chữa trong năm 2026. - Phối hợp với đơn vị điện lực xây dựng kế hoạch đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện hạ thế trên địa bàn. - Kiểm tra, xử lý các trường hợp sử dụng điện không đảm bảo an toàn, vi phạm hành lang lưới điện.	Phòng Kinh tế
	Tỷ lệ thôn bản có sóng điện thoại di động 95%	- Chủ động phối hợp làm việc với các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT, Mobifone...) để xây dựng kế hoạch đầu tư trạm phát sóng tại các thôn chưa có sóng hoặc sóng yếu. - Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, quỹ đất, vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng. - Huy động nguồn vốn xã hội hóa từ doanh nghiệp viễn thông để đầu tư hạ tầng kỹ thuật. - Tăng cường tuyên truyền về lợi ích của việc phủ sóng điện thoại di động phục vụ thông tin liên lạc, phát triển kinh tế – xã hội, chuyển đổi số	Phòng Văn hóa – Xã hội
5.	Tổng sản lượng lương thực có hạt hàng năm 2.000 tấn	- Chỉ đạo các thôn thực hiện nghiêm kế hoạch gieo trồng lúa, ngô và cây lương thực khác theo chỉ tiêu đã giao. - Không để đất nông nghiệp bỏ hoang; tận dụng tối đa diện tích canh tác hiện có. - Bố trí lịch thời vụ hợp lý cho từng vụ sản xuất (vụ xuân, vụ mùa, vụ đông).	Phòng Kinh tế

		- Kiểm tra, đôn đốc tiến độ gieo trồng tại các thôn, kịp thời điều chỉnh khi có biến động thời tiết. - Phối hợp với các cơ quan chuyên môn lựa chọn và đưa vào sử dụng các giống lúa, ngô năng suất cao, phù hợp điều kiện địa phương. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh cho người dân. - Hướng dẫn bón phân cân đối, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy trình. - Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất trên một đơn vị diện tích. - Tu sửa, nạo vét kênh mương nội đồng, đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất. - Chủ động phương án phòng, chống hạn hán, úng lụt và thiên tai - Chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng ngô, rau màu hoặc cây lương thực có giá trị kinh tế cao hơn nhưng vẫn đảm bảo sản lượng chung. - Chủ động tham mưu phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ cây trồng,...	
6.	Trồng rừng tập trung 80 ha	- Tổ chức rà soát quỹ đất lâm nghiệp, đất trống đồi núi trọc đủ điều kiện trồng rừng; xây dựng kế hoạch trồng rừng cụ thể theo từng thôn, từng khu vực và phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận liên quan. - Tăng cường công tác quản lý, chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng trồng; tổ chức kiểm tra, giám sát tỷ lệ cây sống sau trồng, chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng và ngăn chặn tình trạng	Phòng Kinh tế

		chặt phá rừng trái phép. - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân về vai trò của trồng và bảo vệ rừng trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.	
7.	Thu nhập bình quân đầu người/năm 51 Tr.đồng	- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa, nâng cao năng suất và giá trị trên một đơn vị diện tích; khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, tạo nguồn thu nhập ổn định cho Nhân dân - Thúc đẩy phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, liên kết tiêu thụ sản phẩm; gắn sản xuất nông nghiệp với xây dựng sản phẩm OCOP, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác và mở rộng thị trường tiêu thụ. - Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề nông thôn; hỗ trợ người dân đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác, góp phần tăng thu nhập ngoài nông nghiệp. -- Tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhất là lao động trẻ; lồng ghép hiệu quả các chương trình giảm nghèo, vay vốn tín dụng chính sách và hỗ trợ sản xuất, nhằm nâng cao thu nhập bền vững cho người dân trên địa bàn xã.	Phòng Kinh tế và Thống kê cơ sở khu vực Bắc Kạn.
8.	Phát triển sản phẩm OCOP mới 01 Sản phẩm	- Tổ chức rà soát, lựa chọn sản phẩm đặc trưng, có lợi thế của địa phương để xây dựng thành sản phẩm OCOP; ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm truyền thống. - Phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn các hộ sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác hoàn thiện quy trình sản xuất, bảo đảm tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn thực phẩm và vệ sinh	Phòng Kinh tế

		môi trường. - Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, bao bì, tem truy xuất nguồn gốc và hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo quy định. - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phát triển sản phẩm OCOP gắn với phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; tạo điều kiện để sản phẩm OCOP tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân trên địa bàn xã. - Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP năm 2026.	
9.	Sản lượng chè búp tươi 45 tấn	- Tổ chức rà soát diện tích chè hiện có, xây dựng kế hoạch chăm sóc, thâm canh và thu hái phù hợp theo từng vùng sản xuất; khuyến khích Nhân dân cải tạo các diện tích chè già cỗi, năng suất thấp bằng giống chè mới có năng suất và chất lượng cao. - Phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hái và bảo quản chè đúng quy trình kỹ thuật; hướng dẫn người dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. - Tăng cường liên kết với các cơ sở chế biến, hợp tác xã trong tiêu thụ chè búp tươi, bảo đảm đầu ra ổn định cho người trồng chè. - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân mở rộng diện tích chè theo quy hoạch, phát triển sản xuất chè gắn với xây dựng sản phẩm OCOP, góp phần nâng cao giá trị sản	Phòng Kinh tế

			xuất nông nghiệp và thu nhập cho người dân trên địa bàn xã.	
10.	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng 190 Tấn		- Rà soát tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn; xây dựng kế hoạch phát triển đàn theo từng thôn; khuyến khích các hộ mở rộng chăn nuôi phù hợp điều kiện thực tế, hình thành các mô hình chăn nuôi hộ gia đình và nhóm hộ. - Hướng dẫn người dân cải tạo chuồng trại, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học; hỗ trợ con giống chất lượng tốt; tổ chức tập huấn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. - Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm biogas hoặc các biện pháp phù hợp; đảm bảo chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường. - Tăng cường kết nối các hộ chăn nuôi với hợp tác xã, thương lái và cơ sở tiêu thụ; lồng ghép các chương trình hỗ trợ sản xuất, giảm nghèo, nông thôn mới; tạo điều kiện cho người dân vay vốn phát triển chăn nuôi, góp phần ổn định đầu ra và nâng cao thu nhập.	Phòng Kinh tế
II	VĂN HÓA-XÃ HỘI			
11.	Xã đạt chuẩn xã nông thôn mới	Theo Khung Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 (<i>theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022</i>): 13 tiêu chí Theo khung Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030 (<i>theo Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025</i>): 3 tiêu chí	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2026	Phòng Kinh tế

12.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo: >73%	- Tổ chức điều tra, thống kê số lao động chưa qua đào tạo, lao động chưa có chứng chỉ theo từng thôn; xác định nhu cầu học nghề gắn với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, chế biến nông sản, thương mại – dịch vụ và xuất khẩu lao động để xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp. - Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn và trung hạn; ưu tiên các nghề có khả năng tạo việc làm ngay sau đào tạo; bảo đảm học viên được cấp chứng chỉ, bằng cấp theo quy định, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ. - Hướng dẫn lao động sau đào tạo ứng dụng kiến thức vào sản xuất, kinh doanh; khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hộ, hợp tác xã, tổ hợp tác để tạo việc làm tại chỗ; hỗ trợ kết nối lao động với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong và ngoài địa phương. - Tạo điều kiện cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thanh niên, lao động nông thôn tham gia các lớp đào tạo nghề có hỗ trợ kinh phí; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai các chương trình vay vốn giải quyết việc làm, giúp người lao động có điều kiện tự tạo việc làm và phát triển sản xuất. - Đẩy mạnh tuyên truyền về lợi ích của học nghề và việc làm bền vững; thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo; theo dõi tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo, kịp thời điều chỉnh kế hoạch nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn xuống dưới 2,3%.	Phòng Văn hóa và xã hội và các Trường học
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp >38%		
	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn <2,3%		
13.	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: 98%	- Tăng cường tuyên truyền về lợi ích của bảo hiểm y tế, kế	Phòng Văn hóa

	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm (người): 300 người Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (%) 52 Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước 4 bệnh Down, Edward, Patau, Thalassaemia) 40% Tỷ lệ trẻ em sơ sinh được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, tim bẩm sinh) 55% Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm 82 (%)	hoạch hóa gia đình và khám sức khỏe định kỳ thông qua hệ thống truyền thanh, họp thôn và các tổ chức đoàn thể; vận động người dân tham gia BHYT đạt tỷ lệ 98%, nâng cao nhận thức về sàng lọc trước sinh, sơ sinh và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. - Triển khai các hoạt động tư vấn, cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; vận động ít nhất 300 người mới sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; tăng cường truyền thông về sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên và tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho các cặp nam, nữ thanh niên. - Phối hợp với cơ sở y tế tổ chức khám thai định kỳ, tư vấn và thực hiện sàng lọc trước sinh cho phụ nữ mang thai nhằm đạt tỷ lệ 40%; triển khai sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh cho trẻ đạt tỷ lệ 55%; hướng dẫn các gia đình đưa trẻ đi khám, sàng lọc theo quy định. - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm cho người cao tuổi đạt tỷ lệ 82%; lập danh sách theo dõi, quản lý sức khỏe người cao tuổi tại các thôn; phối hợp với trạm y tế xã thực hiện tư vấn, hướng dẫn phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng. - Phối hợp chặt chẽ giữa UBND xã, Trạm Y tế, các đoàn thể trong tổ chức thực hiện các chỉ tiêu y tế – dân số; theo dõi, tổng hợp số liệu định kỳ; kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ban đầu và dịch vụ y tế cho Nhân dân.	và xã hội, Trạm Y tế xã
14.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) <11,3%	- Đẩy mạnh truyền thông về nuôi con bằng sữa mẹ, chế độ ăn hợp lý theo từng độ tuổi, vệ sinh an toàn thực phẩm; hướng	Phòng Văn hóa và xã hội, Trạm Y

		dẫn phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em thông qua họp thôn, hệ thống truyền thanh và các buổi tư vấn tại trạm y tế. - Tổ chức cân đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng định kỳ cho trẻ; lập danh sách trẻ suy dinh dưỡng để có biện pháp can thiệp kịp thời; tư vấn trực tiếp cho gia đình về chế độ ăn và chăm sóc trẻ. - Thực hiện bổ sung vi chất dinh dưỡng, vitamin A, tẩy giun định kỳ cho trẻ; tổ chức khám, điều trị kịp thời các bệnh thường gặp ở trẻ em; hướng dẫn chế biến bữa ăn đủ chất dinh dưỡng từ nguồn thực phẩm sẵn có tại địa phương. - Kết hợp các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng trẻ em với chương trình y tế cơ sở, kế hoạch hóa gia đình, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo.	tế xã
15.	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 98%	- Chỉ đạo nhà trường thực hiện nghiêm kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá giỏi; tổ chức ôn tập có trọng tâm cho học sinh cuối cấp. - Theo dõi sát tình hình học sinh từng lớp, từng thôn; kịp thời nắm bắt nguyên nhân học sinh có nguy cơ bỏ học để có biện pháp vận động, hỗ trợ; phối hợp với gia đình và các đoàn thể duy trì sĩ số đến cuối năm học. - Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ học sinh nghèo, cận nghèo, học sinh vùng khó khăn; vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập và chi phí học tập cho học sinh. - Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giảng dạy; nâng	Phòng Văn hóa và xã hội, các Trường học

		cao tinh thần trách nhiệm của giáo viên trong việc kèm cặp học sinh yếu; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích trong nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp THCS.	
16.	Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2	- Tổ chức điều tra, thống kê đầy đủ số trẻ trong độ tuổi mầm non, tiểu học và THCS theo từng thôn; cập nhật thường xuyên biến động dân số trong độ tuổi đi học; đảm bảo 100% trẻ 5 tuổi ra lớp và trẻ trong độ tuổi phổ cập được quản lý, theo dõi đầy đủ. - Chỉ đạo các trường thực hiện tốt chương trình giáo dục theo quy định; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; tăng cường phụ đạo học sinh yếu, hạn chế tình trạng lưu ban, bỏ học, bảo đảm duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục. - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh đưa trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến trường; quan tâm các nhóm trẻ ở vùng khó khăn; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, lớp học, đội ngũ giáo viên để đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ. - Tổ chức các lớp xóa mù chữ và duy trì kết quả xóa mù chữ mức độ 2; vận động người trong độ tuổi chưa biết chữ tham gia học tập; gắn xóa mù chữ với nâng cao kỹ năng sống và kiến thức sản xuất cho người dân. - Phối hợp chặt chẽ giữa UBND xã, các trường học, gia đình và các đoàn thể trong công tác phổ cập giáo dục; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời củng cố, bổ sung hồ sơ phổ cập giáo dục theo quy định, bảo đảm duy trì vững chắc các chuẩn phổ cập giáo dục đã đạt được.	Phòng Văn hóa và xã hội, các Trường học
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi 85%		Phòng Văn hóa và xã hội, các Trường học

17.	Trường học đạt chuẩn quốc gia 75%	- Tổ chức đánh giá thực trạng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia; lập kế hoạch cụ thể cho từng trường về lộ trình duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí chưa đạt; phân công trách nhiệm cho từng bộ phận, từng nhà trường trong tổ chức thực hiện. - Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, sửa chữa phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh, khu vui chơi; bổ sung trang thiết bị dạy học theo quy định; đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, xanh – sạch – đẹp. - Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh khá giỏi; duy trì sĩ số học sinh và hạn chế tình trạng bỏ học; đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo tiêu chí trường chuẩn quốc gia.	Phòng Văn hóa và xã hội, các Trường học
18.	Phần đầu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 đạt 11,5% Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới giai đoạn 2026-2030 2,03%	- Tổ chức điều tra, cập nhật danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030; phân loại rõ nguyên nhân nghèo (thiếu việc làm, thiếu vốn, thiếu kỹ năng, thiếu dịch vụ xã hội cơ bản) để xây dựng giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm đối tượng. - Lồng ghép các chương trình giảm nghèo, nông thôn mới và hỗ trợ sản xuất; hướng dẫn hộ nghèo tham gia các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất hàng hóa phù hợp điều kiện địa phương; khuyến khích liên kết sản xuất với hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm nâng cao thu nhập và thoát nghèo bền vững. - Ưu tiên đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động trong độ tuổi; hỗ trợ kết nối việc làm với doanh nghiệp trong và ngoài địa phương; tạo điều kiện cho lao động vay vốn giải quyết việc làm, góp phần giảm nghèo theo hướng bền vững.	Phòng Kinh tế

		- Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tập trung giảm nghèo đa chiều gắn với nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. - Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo của người dân; phân công cán bộ phụ trách theo dõi từng thôn, từng hộ nghèo; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả giảm nghèo hằng năm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, bảo đảm mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt bình quân 2,03%/năm theo kế hoạch. - Xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo năm 2026	
19.	Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa >90 %	- Tăng cường tuyên truyền về xây dựng gia đình văn hóa, thôn văn hóa; vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và quy ước, hương ước của thôn bản. - Thực hiện việc bình xét danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa đúng quy trình, đúng tiêu chí; gắn phong trào xây dựng đời sống văn hóa với xây dựng nông thôn mới; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu. - Tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng tại thôn và xã; thành lập và duy trì ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao để tạo sân chơi lành mạnh cho Nhân dân. - Sử dụng hiệu quả nhà văn hóa thôn, sân thể thao, khu sinh hoạt cộng đồng; từng bước đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao; khuyến khích Nhân dân	Phòng Văn hóa và xã hội
	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn thôn văn hóa >90%		
	Thành lập và duy trì ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao		

		tham gia quản lý và giữ gìn thiết chế văn hóa. - Phối hợp chặt chẽ giữa UBND xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong triển khai phong trào văn hóa; thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng các danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa; kịp thời chấn chỉnh những nơi thực hiện chưa nghiêm, bảo đảm duy trì tỷ lệ trên 90%	
20.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa 100%	- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tiêu chí cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa công sở. - Duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện tốt quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp, ngăn nắp, khoa học. - Đưa tiêu chí cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa vào nội dung thi đua hằng năm; gắn kết quả xây dựng cơ quan văn hóa với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân. - Thực hiện việc đăng ký, bình xét danh hiệu cơ quan, đơn vị văn hóa đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc duy trì các tiêu chí; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, bảo đảm 100% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa hằng năm.	Phòng Văn hóa và xã hội
21.	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học đến năm 2030 98%	- Tổ chức thống kê, phân loại cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn trình độ đại học; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể cho từng năm và từng đối tượng nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn. - Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo đại học, liên thông, vừa làm vừa học theo chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm; khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng	Phòng Văn hóa và xã hội

		nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng công tác. - Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí và chế độ chính sách để cán bộ, công chức tham gia học tập; kịp thời động viên, khuyến khích những cá nhân tích cực học tập, hoàn thành chương trình đào tạo đúng tiến độ. - Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo; gắn kết quả nâng cao trình độ chuyên môn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm; bảo đảm đến năm 2030 tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học đạt 98%.	
22.	Xã có trạm truyền thanh tốt	- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống truyền thanh; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng; đầu tư nâng cấp loa, máy phát, đường truyền để bảo đảm tín hiệu ổn định, phủ sóng đầy đủ các thôn. - Xây dựng kế hoạch phát sóng định kỳ; cập nhật kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các thông tin kinh tế – xã hội của địa phương; đa dạng hóa nội dung tuyên truyền, bảo đảm dễ nghe, dễ hiểu, phù hợp với Nhân dân. - Phân công cán bộ, công tác viên phụ trách trực tiếp quản lý, vận hành hệ thống truyền thanh; tổ chức tập huấn kỹ năng biên tập, phát thanh và sử dụng thiết bị kỹ thuật; bảo đảm trạm hoạt động thường xuyên, đúng quy định. - Bố trí kinh phí thường xuyên cho công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình chuyển đổi số, xây dựng nông thôn mới và các chương trình hỗ trợ khác để nâng cao hiệu quả hoạt động trạm truyền	Phòng Văn hóa và xã hội

		thanh. - Thường xuyên kiểm tra chất lượng phát sóng, mức độ tiếp cận thông tin của người dân; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế; bảo đảm trạm truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ tốt công tác tuyên truyền và nhiệm vụ chính trị của địa phương.	
23.	Tổng số hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) 100% Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng 100%	- Đảm bảo máy tính, đường truyền internet, phần mềm quản lý văn bản và hệ thống một cửa điện tử hoạt động ổn định; kịp thời nâng cấp, bảo trì thiết bị, đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường mạng. - Tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến và chữ ký số; yêu cầu cán bộ, công chức thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên hệ thống điện tử, hạn chế tối đa xử lý thủ công. - Thực hiện tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính hoàn toàn trên hệ thống điện tử; đảm bảo đúng quy trình, đúng thời gian giải quyết theo quy định; không để tồn đọng hồ sơ ngoài hệ thống. - Hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến tại Bộ phận một cửa; hỗ trợ trực tiếp cho các trường hợp chưa quen sử dụng công nghệ; từng bước nâng cao tỷ lệ hồ sơ phát sinh được thực hiện trên môi trường mạng. - Theo dõi thường xuyên tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường mạng; gắn kết quả thực hiện với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kịp thời chấn chỉnh các trường hợp chưa thực hiện nghiêm, bảo đảm đạt 100% theo chỉ tiêu đề ra.	Trung tâm HCC

24.	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên địa bàn 1Gb/S 95%	- Tổ chức thống kê các khu vực chưa có hạ tầng băng rộng tốc độ cao và vùng chưa phủ sóng 5G; lập danh mục các vị trí cần đầu tư nâng cấp đường truyền cáp quang và trạm phát sóng 5G. - Chủ động làm việc với các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT, Mobifone...) để triển khai kéo cáp quang tốc độ cao đến các khu dân cư; mở rộng lắp đặt trạm phát sóng 5G tại khu vực đông dân cư, trung tâm xã và các thôn chưa đảm bảo vùng phủ sóng. - Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bố trí vị trí lắp đặt trạm phát sóng, cột ăng-ten và tuyến cáp quang; giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính, vận động Nhân dân đồng thuận cho việc xây dựng hạ tầng viễn thông trên địa bàn. - Tuyên truyền về lợi ích của internet tốc độ cao và mạng 5G trong học tập, sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi số; hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ viễn thông hiện đại	Phòng Văn hóa và xã hội
	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G 60%		
III	MÔI TRƯỜNG		
25.	Tỷ lệ che phủ rừng >75%	- Tăng cường tuần tra, kiểm tra rừng; ngăn chặn kịp thời tình trạng chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng; thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. - Tổ chức trồng rừng tập trung theo kế hoạch hằng năm; ưu tiên trồng rừng trên diện tích đất trống, đồi núi trọc; thực hiện trồng rừng thay thế khi có chuyển mục đích sử dụng đất rừng theo quy định. - Giao khoán, khoán nuôi bảo vệ rừng cho cộng đồng, hộ gia	Phòng Kinh tế

		đình; tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia trồng và bảo vệ rừng; gắn bảo vệ rừng với phát triển sinh kế bền vững. - Phân công rõ trách nhiệm cho từng thôn, từng hộ nhận khoán bảo vệ rừng; thường xuyên kiểm tra, giám sát diện tích rừng; kịp thời xử lý vi phạm và tổng hợp kết quả thực hiện, bảo đảm duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 75%.	
26.	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định 50%	- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn triển khai xây dựng, sửa chữa và nâng cấp các công trình cấp nước tập trung; mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đến các thôn, khu dân cư chưa có nước sạch; bảo đảm chất lượng nước theo quy định. - Hướng dẫn các hộ dân xây dựng, cải tạo giếng nước, bể chứa nước, hệ thống lọc nước hợp vệ sinh; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận nguồn nước sạch. - Tuyên truyền cho Nhân dân về lợi ích của việc sử dụng nước sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường; hướng dẫn sử dụng nước tiết kiệm, an toàn; vận động người dân tham gia bảo vệ nguồn nước sinh hoạt tại địa phương. - Thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước sinh hoạt; kịp thời khắc phục các công trình xuống cấp, hư hỏng; theo dõi, đánh giá tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt chuẩn nhằm bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu 50%.	Phòng Kinh tế
27.	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt 78%	- Tổ chức đánh giá hiện trạng công tác thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải nông thôn; xây dựng kế hoạch thu gom cụ thể	Phòng Kinh tế

	Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải tại nông thôn 81%	theo từng thôn; bố trí điểm tập kết rác hợp lý, thuận tiện cho việc vận chuyển và xử lý.	Phòng Kinh tế
	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý 100%	- Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; hướng dẫn bỏ rác đúng nơi quy định; nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, nhất là tại khu dân cư nông thôn. - Phối hợp với Trạm Y tế xã thực hiện phân loại, thu gom và chuyển giao chất thải y tế đúng quy trình; bảo đảm 100% chất thải y tế được xử lý an toàn theo quy định; không để phát sinh tình trạng xả thải ra môi trường. - Tổ chức kiểm tra định kỳ công tác thu gom, xử lý rác thải tại các thôn và cơ sở y tế; xử lý nghiêm các trường hợp xả rác không đúng nơi quy định; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.	Trạm y tế xã
28.	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh 10%	- Tổ chức thống kê số lượng phương tiện đang hoạt động và khả năng chuyển đổi sang sử dụng năng lượng xanh (xe điện, xe sử dụng nhiên liệu sạch); xây dựng lộ trình thay thế dần các phương tiện cũ, tiêu hao nhiều nhiên liệu. - Vận động các đơn vị vận tải, hợp tác xã, cá nhân kinh doanh vận tải từng bước đầu tư phương tiện chạy điện hoặc nhiên liệu sạch; lồng ghép các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của Nhà nước để thúc đẩy chuyển đổi. - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân và các đơn vị vận tải về lợi ích của việc sử dụng phương tiện năng lượng xanh trong bảo vệ môi trường, giảm phát thải và tiết kiệm chi phí vận hành lâu dài	Phòng Kinh tế

IV	QUỐC PHÒNG - AN NINH		
29.	Tuyển quân hằng năm 100%	- Đẩy mạnh tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật Giáo dục quốc phòng – an ninh; nâng cao ý thức, trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành nghĩa vụ quân sự và tham gia học tập kiến thức quốc phòng – an ninh.	Ban Chỉ huy quân sự xã
	Thực hiện giáo dục bồi dưỡng, kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định 23%	- Tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ công dân trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự; nắm chắc số lượng, chất lượng nguồn tuyển quân; bảo đảm đủ chỉ tiêu giao quân hằng năm. - Thực hiện nghiêm các bước xét duyệt chính trị, khám tuyển sức khỏe; bảo đảm công bằng, dân chủ, đúng quy định; không để xảy ra sai sót trong công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. - Xây dựng kế hoạch cử cán bộ, đảng viên và các đối tượng theo quy định tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh; bảo đảm đạt tỷ lệ 23% theo chỉ tiêu được giao.	Ban Chỉ huy quân sự xã
30.	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm 90%	- Tổ chức tiếp nhận đầy đủ, đúng quy trình các tố giác, tin báo về tội phạm của Nhân dân; phân công lực lượng Công an xã chủ trì xác minh, xử lý ngay từ cơ sở, không để tồn đọng, kéo dài. - Bố trí đủ lực lượng, phương tiện phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết tin báo; thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, xác minh ban đầu; nâng cao tinh thần trách nhiệm trong xử lý vụ việc. - Tuyên truyền các quy định của pháp luật về phòng, chống	Công an xã

		tội phạm; phát huy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; khuyến khích Nhân dân cung cấp thông tin, tố giác tội phạm kịp thời, chính xác. Thường xuyên theo dõi tiến độ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, bảo đảm đạt tỷ lệ giải quyết trên 90% theo chỉ tiêu đề ra	
31.	Số thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự 15%	- Đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật, các quy định về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; phát huy phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại các thôn, bản. - Duy trì và phát huy hiệu quả các tổ an ninh tự quản, tổ hòa giải, tổ liên gia tự quản; kịp thời nắm bắt, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự. - Phân công Công an xã phụ trách địa bàn từng thôn; tăng cường tuần tra, kiểm soát; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật. - Đưa nội dung bảo đảm an ninh trật tự vào tiêu chí bình xét thôn văn hóa hằng năm; gắn trách nhiệm của thôn, bản trong việc giữ vững danh hiệu thôn an toàn về an ninh trật tự. - Thực hiện đăng ký, bình xét danh hiệu thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc duy trì các tiêu chí; kịp thời chấn chỉnh tồn tại, bảo đảm số thôn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo kế hoạch đề ra.	Công an xã

32.	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số 4,85%	- Thực hiện thống kê, nắm chắc số lượng công dân trong độ tuổi theo quy định; xây dựng kế hoạch tuyển chọn, kết nạp dân quân tự vệ hằng năm, bảo đảm đủ số lượng và cơ cấu hợp lý. - Thực hiện công khai, dân chủ trong tuyển chọn dân quân tự vệ; ưu tiên lực lượng trẻ, đủ sức khỏe, có phẩm chất chính trị tốt; bảo đảm đạt tỷ lệ 4,85% so với dân số theo chỉ tiêu giao. - Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị theo kế hoạch; nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, khả năng tham gia phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương. - Bảo đảm chế độ phụ cấp, trang bị, bảo hiểm và các quyền lợi theo quy định; kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, tạo động lực để Nhân dân tích cực tham gia lực lượng dân quân, tự vệ. - Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của lực lượng dân quân, tự vệ trong bảo vệ an ninh, quốc phòng; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc xây dựng lực lượng ở các thôn; kịp thời điều chỉnh, bảo đảm duy trì ổn định tỷ lệ dân quân, tự vệ đạt 4,85% dân số.	Ban Chỉ huy quân sự xã
-----	---	---	------------------------

